

THÔNG BÁO

Về việc công khai danh mục thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hải Hưng

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo chế độ một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo chế độ một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của UBND Thành phố Hải Phòng về công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố thuộc phạm vi, chức năng của các Sở, ngành.

Ủy ban nhân dân xã Hải Hưng thông báo công khai danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố Hải Phòng được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hải Hưng cụ thể như sau:

* Danh mục thuộc phạm vi, chức năng của các Sở, ngành, địa phương:

- Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tư pháp
(Chi tiết Phụ lục I kèm theo)
- Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường
(Chi tiết Phụ lục II kèm theo)
- Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Xây dựng
(Chi tiết Phụ lục III kèm theo)
- Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nội vụ
(Chi tiết Phụ lục IV kèm theo)
- Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài chính
(Chi tiết Phụ lục V kèm theo)
- Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Công thương
(Chi tiết Phụ lục VI kèm theo)
- Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo
(Chi tiết Phụ lục VII kèm theo)

8. Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Y tế
(Chi tiết Phụ lục VIII kèm theo)
9. Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Văn hóa, thể thao, du lịch
(Chi tiết Phụ lục IX kèm theo)
10. Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Sở Ngoại vụ
(Chi tiết Phụ lục X kèm theo)
11. Danh mục thủ tục hành chính Ban quản lý dự án
(Chi tiết Phụ lục XI kèm theo)

* Phạm vi áp dụng: các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố.

* Thời điểm cập nhật thông báo danh mục thủ tục hành chính: tháng 11 năm 2025.

* Danh mục thủ tục hành chính được niêm yết công khai tại bảng niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hải Hưng và Cổng thông tin điện tử xã tại địa chỉ <http://haihung.haiphong.gov.vn>.

Ủy ban nhân dân xã Hải Hưng thông báo để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND Thành phố;
- Trung tâm PVHCC Thành phố;
- TT Đảng ủy - HĐND - UBND xã;
- Các cơ quan chuyên môn UBND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Hạnh

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ
KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày /11/ 2025 của UBND xã Hải Hưng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (145 TTHC)

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả
I. Lĩnh vực Công chứng (28 TTHC)			
1.	1.013834	Thành lập Văn phòng công chứng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
2.	1.013839	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
3.	1.013842	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
4.	1.013846	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
5.	1.013849	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
6.	1.013852	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
7.	1.013803	Bỏ nhiệm công chứng viên	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
8.	1.013804	Bỏ nhiệm lại công chứng viên	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
9.	1.013805	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

10.	1.013806	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
11.	1.013807	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
12.	1.013808	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
13.	1.013810	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
14.	1.013812	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
15.	3.000444	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
16.	1.013816	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
17.	1.013818	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
18.	1.013859	Cấp Thẻ công chứng viên	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
19.	1.013830	Cấp lại Thẻ công chứng viên	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
20.	1.013832	Thu hồi Thẻ công chứng viên	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
21.	1.013835	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

22.	1.013836	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
23.	1.013837	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
24.	1.013840	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
25.	1.013843	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
26.	1.013848	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
27.	1.013853	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
28.	1.013856	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.
		được thành lập trước ngày 01/7/2025	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
II. Lĩnh vực Thừa phát lại (17 TTHC)			
29.	1.008929	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
30.	1.008932	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
31.	1.008934	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
32.	1.008936	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
33.	1.008921	Công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
34.	1.008922	Bỏ nhiệm Thừa phát lại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
35.	1.008923	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

36.	1.008924	Bổ nhiệm lại Thừa phát lại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
37.	1.008925	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
38.	1.008926	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
39.	1.008927	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
40.	1.008928	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
41.	1.008930	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
42.	1.008931	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
43.	1.008933	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
44.	1.008935	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
45.	1.008937	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
III. Lĩnh vực luật sư (20 TTHC)			
46.	1.000828	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
47.	1.000688	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
48.	1.008614	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

49.	1.008624	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
50.	1.008628	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
51.	1.001928	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
52.	1.002010	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
53.	1.002055	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
54.	1.002079	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
55.	1.002099	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
56.	1.002032	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
57.	1.002153	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
58.	1.002181	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
59.	1.002198	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
60.	1.002218	Hợp nhất công ty luật	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.
			- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
61.	1.002234	Sáp nhập công ty luật	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

62.	1.008709	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
63.	1.002398	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
64.	1.002384	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
65.	1.002368	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
IV. Lĩnh vực Giám định tư pháp (09 TTHC)			
66.	1.001122	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
67.	2.000894	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
68.	1.009832	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
69.	2.000890	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
70.	2.000568	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
71.	1.001216	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
72.	2.000823	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
73.	2.000555	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
74.	1.001117	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

V. Lĩnh vực Trọng tài thương mại (13 TTHC)

75.	2.000822	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
76.	2.000819	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
77.	1.008885	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
78.	1.008886	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
79.	1.001609	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
80.	1.008887	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
81.	1.008888	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
82.	1.008889	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
83.	1.008890	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

84.	1.008904	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
85.	1.008905	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trụ sở chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
86.	1.008906	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
87.	1.001248	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
VI. Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản (08 TTHC)			
88.	2.001130	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
89.	1.002681	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

		hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán	
90.	2.001117	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
91.	1.002626	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
92.	1.001842	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
93.	1.008727	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
94.	1.001633	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
95.	1.001600	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của quản tài viên	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
VII. Lĩnh vực đấu giá tài sản (10 TTHC)			
96.	1.003915	Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
97.	1.000802	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
98.	1.013634	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
99.	1.013635	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

100.	2.001225	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
101.	2.001395	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
102.	2.001333	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
103.	2.001258	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
104.	2.002139	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
105.	2.001247	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
VIII. Lĩnh vực Hòa giải thương mại (13 TTHC)			
106.	1.008907	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
107.	1.008908	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
108.	1.008909	Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
109.	1.008910	Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
110.	1.008911	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

111.	2.000515	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
112.	1.008916	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
113.	1.008912	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
		Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	
114.	1.009284	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
115.	1.008913	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được cấp Giấy phép thành lập	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
116.	2.001716	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
117.	1.008914	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

118.	1.008915	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
IX. Lĩnh vực Quốc tịch (05 TTHC)			
119.	2.002039	Nhập quốc tịch Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
120.	2.002038	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
121.	2.002036	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
122.	2.001895	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
123.	1.005136	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
X. Lĩnh vực Nuôi con nuôi (02 TTHC)			
124.	1.003179	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
125.	1.003198	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
XI. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (03 TTHC)			
126.	2.002193	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
127.	2.002191	Phục hồi danh dự (cấp tỉnh)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
128.	2.002192	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
XII. Lĩnh vực Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (02 TTHC)			
129.	1.005464	Thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

130.	3.000024	Thủ tục đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
XIII. Lĩnh vực Tư vấn pháp luật (06 TTHC)			
131.	1.000627	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
132.	1.000614	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
133.	1.000426	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
134.	1.000588	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
135.	1.000404	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
136.	1.000390	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
XIV. Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý (06 TTHC)			
137.	2.000954	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
138.	2.000840	Chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
139.	2.000587	Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
140.	2.000518	Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
141.	2.000596	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.
			- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
142.	1.001233	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
XV. Lĩnh vực Hộ tịch (02 TTHC)			

143.	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
144.	2.000635	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
XVI. Lĩnh vực Chứng thực (01 TTHC)			
145.	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (48 TTHC)

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả
I. Lĩnh vực Hộ tịch (30 TTHC)			
1.	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
2.	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
3.	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
4.	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
5.	1.004837	Đăng ký giám hộ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.
			- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
6.	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
7.	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
8.	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
9.	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

10.	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
11.	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
12.	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
13.	1.005461	Thủ tục đăng ký lại khai tử	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
14.	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
15.	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
16.	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
17.	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
18.	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
19.	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
20.	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
21.	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
22.	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

23.	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
24.	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
25.	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
26.	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.
			- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
27.	2.002621	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
28.	2.002622	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai tang phí, tử tuất	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
29.	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
30.	2.000635	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
II. Lĩnh vực Chứng thực (09 TTHC)			
31.	2.001035	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
32.	2.001019	Thủ tục chứng thực di chúc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
33.	2.001016	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

34.	2.001406	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
35.	2.001009	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
36.	2.001008	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
37.	2.000913	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
38.	2.000927	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
39.	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

III. Lĩnh vực Nuôi con nuôi (04 TTHC)

40.	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
41.	1.003005	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
42.	2.002363	Ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
43.	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

IV. Lĩnh vực Hoà giải ở cơ sở (04 TTHC)

44.	1.002211	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
45.	2.000950	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

46.	2.000930	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
47.	2.002080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.
			- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
V. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (01 TTHC)			
48.	2.002.165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

Phụ lục II**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ
KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG***(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày /11/ 2025 của UBND xã Hải Hưng)***A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (305 THỦ TỤC)**

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả	Ghi chú
I	LĨNH VỰC THỦY LỢI (19 THỦ TỤC)			
1	1.003232	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
2	1.003221	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi		
3	1.003211	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		
4	1.003203	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		
5	1.003188	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		
6	1.003921	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		
7	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		
8	1.003867	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND thành phố quản lý		
9	2.001804	Phê duyệt, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND thành phố quản lý.		
10	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		
11	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		

12	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		
13	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		
14	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		
15	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		
16	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		
17	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		
18	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		
19	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		
II	LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI (04 THỦ TỤC)			
20	1.008408	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		

21	1.008409	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.	
22	1.008410	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.	
23	1.013644	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân hành phố	chính công cấp xã.	
III LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC (24 THỦ TỤC)				
24	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
25	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m ³ /ngày đêm		
26	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025)		
27	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển		
28	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm		
29	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước		
30	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện		
31	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước		
32	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành		
33	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành		
34	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước		
35	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm		
36	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước		

37	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền		
38	1.012498	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước		
39	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất		
40	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất		
41	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất		
42	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất		
43	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất		
44	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất		
45	1.011516	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển		
46	1.012502	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch		
47	1.013799	Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước		
IV	LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (06 THỦ TỤC)			
48	1.003695	Công nhận làng nghề		
49	1.003712	Công nhận nghề truyền thống	- Trung tâm	
50	1.003727	Công nhận làng nghề truyền thống	Phục	
51	1.003397	Hỗ trợ dự án liên kết	vụ hành	
52	1.003524	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	chính công	
53	1.003486	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	thành phố Hải Phòng. - Trung tâm	
V	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN (10 THỦ TỤC)			
54	2.001730	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường		
55	2.001726	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường		
56	2.001241	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ		
57	2.001838	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ		

58	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản ¹	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
59	1.003111	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước		
60	1.003082	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005		
61	1.003058	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước		
62	2.001254	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước		
63	1.002996	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm		
VI LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (14 THỦ TỤC)				
64	1.007916	Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
65	1.000084	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý		
66	1.000081	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý		
67	1.000058	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)		
68	1.000055	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức		
69	1.000071	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh		
70	1.012687	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý		
71	1.012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương		
72	3.000179	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp		
73	3.000180	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng		
74	1.011470	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng		

75	1.007918	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư		
76	3.000198	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp		
77	3.000501	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý		
VII LĨNH VỰC KIỂM LÂM (12 THỦ TỤC)				
78	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.	
79	1.012413	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng		
80	1.012689	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức		
81	1.012690	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
82	1.012691	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng		
83	1.012692	Quyết định điều chỉnh lại chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác		
84	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên		
85	1.004819	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES		
86	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu		
87	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ		
88	3.000496	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES		
89	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản		
VIII LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (21 THỦ TỤC)				
90	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.	
91	1.012002	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng		
92	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân		
93	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
94	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng		
95	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân		

96	1.012074	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước		
97	1.012075	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước		
98	1.010090	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản		
99	1.007998	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng		
100	1.012072	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng		
101	1.012071	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ		
102	1.012073	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng		
103	1.012070	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc		
104	1.012063	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng		
105	1.012064	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng		
106	1.012062	Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng		
107	1.011998	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng		
108	1.007999	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng)		
109	1.007994	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại		
110	1.008003	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính		

IX LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT (16 THỦ TỤC)				
111	2.001236	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
112	1.003971	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật		
113	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật		
114	1.004546	Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật		
115	1.004524	Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật		
116	1.007926	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón		
117	1.007927	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón		
118	1.007928	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón		
119	1.007929	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón		
120	1.003395	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu		
121	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật		
122	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật		
123	1.007931	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón		
124	1.007932	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón		
125	1.007933	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón		
126	1.003984	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật		
X LĨNH VỰC THỦY SẢN (33 THỦ TỤC)				
127	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
128	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)		
129	1.004694	Công bố mở cảng cá loại 2		
130	1.004056	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá		
131	1.004943	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản		
132	1.004929	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá		
133	1.004794	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm		
134	1.004683	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản		
135	1.004654	Công bố mở cảng cá loại I		

136	2.001694	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm		
137	1.003851	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)		
138	1.003741	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá		
139	1.003726	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá		
140	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển		
141	1.004697	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá		
142	1.004918	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)		
143	1.004915	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)		
144	1.004684	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)		
145	1.004913	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)		
146	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng		
147	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên		
148	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá		
149	1.003634	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá		
150	1.003586	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá		
151	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá		
152	1.004359	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản		
153	1.003666	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)		
154	1.003563	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá		

155	1.003590	Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá		
156	1.004692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực		
157	1.003593	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)		
158	1.004678	Cấp, cấp lại giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý)		
159	1.004669	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài		
XI LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (17 THỦ TỤC)				
160	1.012833	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công		
161	1.012834	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước		
162	1.008122	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
163	3.000127	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước		
164	3.000128	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu		
165	3.000129	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung		
166	3.000130	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung		
167	1.008124	Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu		
168	1.008125	Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu		
169	1.011031	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi		
170	1.011032	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi		
171	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi		
172	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi		
173	1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn		
174	1.008129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn		

175	1.012832	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công		
176	1.012835	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi		
XII LĨNH VỰC THÚ Y (19 THỦ TỤC)				
177	1.002409	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.	
178	1.002373	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)		
179	1.003703	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu		
180	1.002549	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)		
181	1.002432	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)		
182	1.013809	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)		
183	1.013811	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)		
184	1.013813	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
185	2.001064	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)		
186	1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)		
187	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y		
188	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y		
189	1.004022	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y		

190	1.011475	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)		
191	1.011477	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)		
192	1.011478	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)		
193	1.011479	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)		
194	1.004756	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)		
195	1.004734	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)		
XIII LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP (03 THỦ TỤC)				
196	1.003388	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	- Trung tâm Phục vụ hành	
197	1.003371	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	chính công	
198	1.003618	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	
XIV LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG (02 THỦ TỤC)				
199	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	- Trung tâm Phục vụ hành	
		Trường hợp hồ sơ hợp lệ	chính công	
		Trường hợp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	thành phố Hải Phòng.	
200	1.009478	Đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phát hành	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
XV LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (33 THỦ TỤC)				
201	1.012821	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất		
202	1.012805	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh		

203	1.013823	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất		
204	1.013825	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	- Trung tâm	
205	1.013826	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.	
206	1.013827	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
207	1.013828	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển		
208	1.013945	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư		
209	1.013946	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích		
210	2.002750	Công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất		
211	1.012756	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý		
212	1.012766	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng		
213	1.012793	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp		
214	1.012781	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp		
215	1.012782	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận		

216	1.012783	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
217	1.012784	Tách thửa hoặc hợp thửa đất		
218	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất		
219	1.012790	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp		
220	1.012791	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi		
221	1.012785	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định		
222	1.012787	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản		
223	1.012789	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai		
224	1.013831	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm		
225	1.013833	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên		
226	1.013977	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu		

227	1.013980	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài		
228	1.013988	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp		
229	1.013992	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền		
230	1.013993	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014		
231	1.013994	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất		
232	1.013995	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký		
233	1.013947	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp		
XVI	LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN (23 THỦ TỤC)			
234	1.004446	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.	
235	1.004367	Đóng cửa mỏ khoáng sản		
236	2.001781	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		
237	1.004343	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		
238	2.001777	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		
239	1.000778	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản		

240	2.001814	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
241	1.004481	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản		
242	2.001787	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản		
243	1.005408	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản		
244	1.004345	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản		
245	2.001783	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản		
246	1.004135	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản		
247	1.004083	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản		
248	1.004434	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản		
249	1.004433	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt		
250	1.004132	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch		
251	1.013321	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV		
252	1.013322	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV		
253	1.013323	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV		
254	1.013324	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV		
255	1.013326	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản		
256	1.013325	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV		
XVII LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO (16 THỦ TỤC)				
257	1.005401	Giao khu vực biển	- Trung tâm Phục vụ hành chính thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
258	1.009481	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh		
259	1.004935	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển		
260	1.005400	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển		
261	1.005399	Trả lại khu vực biển		
262	1.005189	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển		
263	2.000472	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển		
264	2.000444	Cấp lại giấy phép nhận chìm		
265	1.000942	Trả lại giấy phép nhận chìm		
266	1.000969	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)		

267	3.000435	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh		
268	3.000436	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh		
269	3.000437	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh		
270	3.000438	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh		
271	1.000705	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc các văn bản yêu cầu		
272	1.005181	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử		
XVIII LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN (06 THỦ TỤC)				
273	1.000987	Cấp Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn		
274	1.000970	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn		
275	1.000943	Cấp lại Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn		
276	1.013861	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
277	1.013863	Phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh		
278	1.014026	Phê duyệt điều chỉnh một phần kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh		
XIX LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (07 THỦ TỤC)				
279	1.010727	Cấp giấy phép môi trường		
280	1.010728	Cấp đổi giấy phép môi trường		
281	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường		
282	1.010730	Cấp lại giấy phép môi trường		
283	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
284	1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP		
285	2.001767	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt		

XX	LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC (09 THỦ TỤC)			
286	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
287	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học		
288	1.008672	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên		
289	1.004160	Đăng ký tiếp cận nguồn gen		
290	1.004150	Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen		
291	1.004096	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen		
292	1.004117	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại		
293	1.014021	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận		
294	1.014022	Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học		
XXI	LĨNH VỰC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (01 THỦ TỤC)			
295	1.000025	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
XXII	LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ (02 THỦ TỤC)			
296	1.000049	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
297	1.011671	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ		
XXIII	LĨNH VỰC TỔNG HỢP (01 THỦ TỤC)			

298	1.004237	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
XXIV	LĨNH VỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRẦN DẦU (02 THỦ TỤC) – TTHC do Bộ Quốc phòng công bố, Sở Nông nghiệp và Môi trường công bố và giải quyết			
299	1.013126	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, cơ sở, dự án tại địa phương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công	
300	1.013127	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng tại địa phương, các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ dưới 50.000m ³ , các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT	thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
XXV	LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM (05 THỦ TỤC) - TTHC do Bộ Tư pháp công bố, Sở Nông nghiệp và Môi trường công bố và giải quyết			
301	1.011441	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
302	1.011442	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất		
303	1.011443	Xoá Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất		
304	1.011444	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xoá Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất		
305	1.011445	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất		

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (53 THỦ TỤC)

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả	Ghi chú
I	LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC (01 THỦ TỤC)			
1	1.004082	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (cấp xã)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	

II LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP (01 THỦ TỤC)				
2	1.003596	Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
III LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐỀ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI (02 THỦ TỤC)				
3	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.	
4	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
IV LĨNH VỰC THỦY LỢI (07 THỦ TỤC)				
5	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
6	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã		
7	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã		
8	1.013768	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp		
9	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã		
10	2.001627	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp		

11	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã		
V LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (01 THỦ TỤC)				
12	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
VI LĨNH VỰC KIỂM LÂM (02 THỦ TỤC)				
13	1.012694	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.	
14	1.012695	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
VII LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (06 THỦ TỤC)				
15	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
16	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân		
17	1.011471	Phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã		
18	3.000250	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái		
19	1.007919	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công		
20	3.000502	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân cộng đồng dân cư		
VIII LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (14 THỦ TỤC)				
21	1.012812	Hoà giải tranh chấp đất đai		
22	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004		

23	1.012818	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
24	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót		
25	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất		Thực hiện: cấp tỉnh, cấp
26	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất		
27	1.013950	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất		
28	1.013952	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư		
29	1.013953	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa		

30	1.013962	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở		
31	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài		
32	1.013979	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận		
33	1.013965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích		
34	1.013967	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã		
IX	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (01 THỦ TỤC)			
35	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
X	LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (01 THỦ TỤC)			

36	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
XI LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (02 THỦ TỤC)				
37	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
38	1.012837	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước		
XII LĨNH VỰC THÚ Y (01 THỦ TỤC)				
39	1.013997	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
XIII LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC (01 THỦ TỤC)				
40	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
XIV LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO (05 THỦ TỤC)				
41	3.000439	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.	
42	3.000440	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản		
43	3.000441	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản		

44	3.000442	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
45	3.000443	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản		
XV	LĨNH VỰC THỦY SẢN (03 THỦ TỤC)			
46	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.	
47	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
48	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III		
XVI	LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO (05 TTHC)			
49	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	
50	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm		
51	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm		
52	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình		
53	3.000412	Công nhận người lao động có thu nhập thấp		

Phụ lục III
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH
CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG
(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày /11/ 2025 của UBND xã Hải Hưng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa chỉ tiếp nhận và trả kết quả
I	Lĩnh vực hoạt động xây dựng		
1.	1.013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
2.	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
II	Lĩnh vực vật liệu xây dựng		
3.	1.006871	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
III	Lĩnh vực hải quan		
4.	1.011729	Thủ tục xác nhận vật tư, thiết bị là hàng hóa nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 10 triệu viên quy chuẩn/năm trở lên thuộc nhóm 98.22	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa chỉ tiếp nhận và trả kết quả
I	Lĩnh vực hàng hải và đường thủy		
1.	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
2.	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

3.	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
4.	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
II	Lĩnh vực hoạt động xây dựng		
5.	1.013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
6.	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

Phụ lục IV
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI
HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ
(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày /11/ 2025 của UBND xã Hải Hưng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả
I	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI		
1.	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
2.	1.012091	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
II	LĨNH VỰC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG		
3.	1.005449	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
4.	1.005450	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn,	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

		tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).	
5.	2.000134	Khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
III LĨNH VỰC CÔNG TÁC THANH NIÊN (03 TTHC)			
6.	2.001717	Thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
7.	1.003999	Giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
8.	2.001683	Xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
IV LĨNH VỰC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC (01 TTHC)			
9.	1.013937	Công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả
I LĨNH VỰC DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO			
1.	1.012222	Công nhận người có uy tín	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
2.	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
II LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC (01 TTHC)			
3.	1.013734	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

Phụ lục V

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI
HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày /11/2025 của UBND xã Hải Hưng)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (02 TTHC)

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả
I	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN		
1	3.000291	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
II	LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ		
2	1.012735	Hiệp thương giá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

Phụ lục VI
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG PHỤ THUỘC
VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày /11/ 2025 của UBND xã Hải Hưng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả
I	LĨNH VỰC ĐIỆN		
1.	1.013401	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
2.	1.013411	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
3.	1.013412	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
4.	1.013416	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
5.	1.013417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng).	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
6.	1.013418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
7.	1.013419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
8.	1.013421	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

9.	1.013420	Cấp lại giấy phép ⁵⁴ hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
II	LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC		
10.	1.013394	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
11.	1.013395	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
12.	1.013004	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
13.	1.013005	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
14.	2.002676	Thông báo phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
III	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG		
15.	1.013780	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
16.	1.013779	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
17.	1.000949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
18.	1.000667	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

19.	2.000209	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
20.	1.000363	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điều, xì gà	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
21.	1.000172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
22.	1.000162	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
23.	1.000981	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
24.	1.000948	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
25.	1.000911	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
IV	LĨNH VỰC CỤM CÔNG NGHIỆP		
26.	1.012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
V	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP NẶNG (01 TTHC)		
27.	1.001158	Cấp giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghệ hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
VI	LĨNH VỰC THU CÔNG MỸ NGHỆ (01 TTHC)		
28.	1.012471	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
VII	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG (01		

29.	2.000331	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp thành phố	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
VIII	LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG (01 TTHC)		
30.	2.000191	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
IX	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH THƯƠNG MẠI (02 TTHC)		
31.	1.005190	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
32.	2.000110	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
X	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ (39 TTHC)		
33.	2.001424	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
34.	1.000510	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
35.	1.000491	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
36.	1.005184	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
37.	1.005372	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
38.	2.000390	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
39.	1.000706	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

40.	2.000279	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
41.	1.000481	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
42.	2.000142	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
43.	2.000136	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
44.	2.000078	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
45.	2.000166	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
46.	2.000156	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
47.	2.000390	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
48.	2.000354	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
49.	1.000387	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
50.	2.000142	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
51.	2.000387	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

52.	2.000376	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
53.	2.000371	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
54.	1.000742	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
55.	2.000304	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
56.	1.000709	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
57.	1.000704	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
58.	1.000475	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
59.	2.000211	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
60.	1.000455	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
61.	2.000207	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
62.	1.000444	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
63.	2.000201	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

64.	2.000196	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
65.	2.000194	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
66.	2.000187	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
67.	1.000425	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
68.	2.000180	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
69.	2.000175	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
70.	2.000163	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
71.	2.000073	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
XI	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG		
72.	1.003977	Cấp giấy phép phân phối rượu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
73.	1.004021	Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
74.	1.003992	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
75.	1.004007	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

76.	1.003101	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
77.	1.005376	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
78.	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
79.	2.000636	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
80.	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
81.	1.001338	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
82.	2.000598	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
83.	1.001323	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
84.	2.000190	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
85.	2.000167	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
86.	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
87.	2.000626	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

88.	2.000622	Cấp lại Giấy phép ⁵⁹ mua bán nguyên liệu thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
89.	2.000204	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
90.	2.000637	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
91.	2.000640	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
92.	2.000197	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
93.	2.000666	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
94.	2.000664	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng
			- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
95.	2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
96.	2.000672	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
97.	2.000669	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
98.	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
99.	2.000647	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

100.	2.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
101.	1.010696	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
102.	2.001646	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (sản lượng dưới 3 triệu lít/năm)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
103.	2.001630	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (sản lượng dưới 3 triệu lít/năm)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
104.	2.001636	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (sản lượng dưới 3 triệu lít/năm)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
XII	LĨNH VỰC QUẢN LÝ BÁN HÀNG ĐA CẤP (07)		
105.	2.000324	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
106.	1.003705	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
107.	2.000309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
108.	2.000631	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
109.	2.000609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
110.	2.001573	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
111.	2.000619	Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
XIII	LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ,		

112.	1.012567	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
113.	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
XIV	LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI (13)		
114.	2.000004	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
115.	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh,	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
116.	2.000131	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
117.	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
118.	2.002604	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
119.	2.002607	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
120.	2.002605	Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
121.	2.002608	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
122.	2.002606	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
123.	2.000026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

124.	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
125.	2.000033	Thông báo hoạt động khuyến mại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
126.	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
XV	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM (12 TTHC)		
127.	1.003951	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
128.	2.001682	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
129.	1.003929	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
130.	2.001660	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
131.	1.003860	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
132.	2.001595	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
133.	2.001293	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
134.	2.001278	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh sản phẩm thực phẩm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

135.	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
136.	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
137.	2.000117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
138.	2.000115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
XVI	LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG (02 TTHC)		
139.	2.000140	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
140.	2.000066	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
XVII	LĨNH VỰC CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG		
141.	1.013989	Cấp Quyết định thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
142.	1.013990	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
X VIII	LĨNH VỰC HÓA CHẤT (29 TTHC)		
143.	1.003820	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
144.	1.003775	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

145.	2.001585	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
146.	1.003724	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
147.	2.001722	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
148.	1.004031	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
149.	2.000431	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
150.	1.012429	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
151.	1.012430	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
152.	1.012431	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
153.	2.000257	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
154.	1.012432	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
155.	1.012433	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, Bảng 3	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
156.	1.012434	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

157.	1.012441	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
158.	1.012439	Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
159.	1.012440	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
160.	1.012441	Cấp giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
161.	1.012442	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
162.	1.012443	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
163.	2.001547	Cấp GCN ĐDK sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
164.	2.001175	Cấp lại GCN ĐDK sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
165.	2.001172	Cấp điều chỉnh GCN ĐDK sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
166.	1.002758	Cấp GCN ĐDK kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
167.	2.001161	Cấp lại GCN ĐDK kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
168.	2.000652	Cấp điều chỉnh GCN ĐDK kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
169.	1.011506	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng

		66	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
170.	1.011507	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
171.	1.011508	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
XIX	LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP VÀ TIỀN CHẤT THUỐC NỔ (10 TTHC)		
172.	1.003401	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
173.	2.000229	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
174.	2.000210	Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
175.	2.000221	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
176.	2.000172	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
177.	1.013058	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
178.	1.000998	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
179.	1.000965	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
180.	2.001434	Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

181.	2.001433	Cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
XX	LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ (02 TTHC)		
182.	2.000147	Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
183.	2.000046	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
XXI	LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN (04 TTHC)		
184.	1.013652	Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
185.	1.014125	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
186.	1.014126	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
187.	1.014127	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
XXII	LĨNH VỰC DẦU KHÍ (01 TTHC)		
188.	1.013987	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn thuộc thẩm quyền của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
XXIII	LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG (12 TTHC)		
189.	2.001675	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
190.	2.001665	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

191.	1.001292	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
192.	2.000628	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
193.	2.000624	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
194.	1.001271	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
195.	2.000618	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
196.	2.000613	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
197.	2.000604	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
198.	1.000878	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng
			- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
199.	2.000401	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
200.	2.000251	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
XXIV	LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU		
201.	1.013778	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
202.	1.004191	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

203.	1.005405	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
204.	1.005406	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
205.	1.013991	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
206.	1.001062	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
207.	1.000957	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
208.	1.000905	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
209.	1.000890	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
210.	1.004155	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
211.	1.004181	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
212.	2.001758	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
213.	1.000551	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
214.	1.000477	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

215.	1.001238	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
216.	1.001104	Cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
217.	1.000400	Cấp chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
218.	1.000264	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
219.	1.000350	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
220.	1.001419	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
XXV	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ		
221.	2.000255	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
222.	2.000370	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
223.	2.000362	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
224.	2.000351	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
225.	2.000340	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

226.	2.000330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
227.	2.0000272	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
228.	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
229.	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
230.	2.000339	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
231.	2.000334	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
232.	2.000322	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
233.	2.002166	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
234.	2.000665	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
235.	1.001441	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

236.	2.000662	Cấp Giấy phép lập/2ơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
237.	1.000376	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
238.	2.000450	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
239.	2.000129	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
240.	1.000358	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
241.	1.000168	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
242.	2.002604	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
243.	1.000361	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
244.	2.000347	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
245.	2.000327	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
246.	2.000314	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
XXVI	LĨNH VỰC XUẤT NHẬP CẢNH		
247.	3.000242	Thủ tục cấp văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
XXVII	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG		

248.	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
249.	1.013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
XVIII	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG		
250.	1.009794	Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
I	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HOÁ TRONG NƯỚC		
1.	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
2.	2.001240	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
3.	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
4.	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
5.	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
6.	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
7.	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
8.	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

9.	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
II	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ		
10.	2.001283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
11.	2.001270	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai chính	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
12.	2.001261	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
III	LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ		
13.	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
14.	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
IV	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA		
15.	2.002096	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã
V	LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG (01 TTHC)		
16.	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

Phụ lục VII
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN
KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày /11/ 2025 của UBND xã Hải Hưng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả
I	LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC		
1.	1.005061	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
2.	3.000302	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
3.	3.000303	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
4.	3.000297	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
5.	3.000298	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
6.	1.005008	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
7.	1.004988	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
8.	2.001987	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
9.	3.000305	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

10.	3.000300	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
11.	3.000304	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
12.	3.000299	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
13.	3.000306	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
14.	3.000301	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
15.	1.012960	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
16.	1.004991	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
17.	1.004999	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
18.	1.012959	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
19.	1.012958	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
II	LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		
20.	1.013760	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

21.	1.013762	77 Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
22.	1.013763	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
23.	1.013761	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
24.	1.013759	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thực	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
25.	1.013765	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
26.	1.013764	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
27.	1.010927	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
28.	1.010928	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên và	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
29.	2.000632	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
30.	1.010595	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
31.	1.000482	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

32.	1.000138	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ⁷⁸	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
33.	1.000154	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
34.	1.000509	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
35.	1.000530	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
36.	1.000553	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
37.	1.000159	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
38.	2.000130	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
39.	1.010596	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
40.	1.000389	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
41.	2.000189	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

42.	1.000167	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
43.	1.010593	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
44.	1.010594	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
III	LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYỀN		
45.	1.013751	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên tư thực	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
46.	1.013755	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
47.	1.013752	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên tư thực hoạt động trở lại	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
48.	1.013756	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực hoạt động trở lại	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
49.	3.000316	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
50.	1.013754	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên tư thực	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
51.	1.013758	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
52.	1.012988	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm)	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

53.	1.013753	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên tư thực	80 - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
54.	1.013757	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
55.	3.000317	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
56.	3.000315	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
IV	LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC		
57.	1.012953	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
58.	1.012954	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
59.	2.002478	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
60.	1.012956	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
61.	1.012955	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
62.	2.002480	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài.	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
63.	2.002479	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước.	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
64.	1.012944	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

65.	1.001088	81 Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
V	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN		
66.	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
67.	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
68.	1.000280	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
69.	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
70.	2.002593	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
71.	1.005144	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <i>(Tiếp nhận hồ sơ từ các cơ sở giáo dục)</i>
72.	1.002982	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <i>(Tiếp nhận hồ sơ từ các cơ sở giáo dục)</i>
73.	1.005143	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
74.	2.002756	Thông báo đủ điều kiện tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
75.	1.000729	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
76.	1.002407	Xét, cấp học bổng chính sách	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

VI	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO ⁸² VỚI NƯỚC NGOÀI		
77.	1.000718	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với: cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
78.	1.001493	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
79.	1.001496	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
80.	1.006446	Cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
81.	1.001495	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
82.	1.000939	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
83.	1.008722	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
84.	1.001492	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
85.	1.001497	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
86.	1.013767	Giải thể, chấm dứt cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
87.	1.001499	Phê duyệt liên kết giáo dục	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

88.	1.001501	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
89.	2.000545	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
90.	1.008720	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
91.	1.008721	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
92.	1.008723	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
93.	1.000716	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
94.	2.000729	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
95.	2.000680	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
96.	2.000451	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
VII	LĨNH VỰC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ		
97.	3.000465	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp tỉnh)	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

98.	1.004889	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
99.	3.00466	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp tỉnh)	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
VIII	LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC		
100.	1.000715	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
101.	1.000713	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
102.	1.000711	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
103.	1.000259	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả
I	LĨNH VỰC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC		
1.	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
2.	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
3.	1.012972	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
4.	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
5.	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

6.	3.000309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
II	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC		
7.	1.005143	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
8.	1.002407	Xét, cấp học bổng chính sách	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
9.	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
10.	1.008724	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
11.	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
12.	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
13.	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
14.	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

15.	1.000280	86 Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
III	LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC		
16.	2.002481	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
17.	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
18.	1.012965	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
19.	1.012966	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
20.	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
21.	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
22.	2.002482	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước.	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
23.	1.002483	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài.	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
24.	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
IV	LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON		

25.	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ ⁸⁷	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
26.	1.006390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
27.	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
28.	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
29.	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
V	LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC		
30.	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
31.	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
32.	1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
33.	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
34.	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
VI	LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN		
35.	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
36.	1.012970	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

37.	3.000307	88 Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
38.	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
VII	LĨNH VỰC HỆ THỐNG VĂN BẢN, CHỨNG CHỈ		
39.	3.000467	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
40.	3.000468	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

Phụ lục VIII**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ***(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày /11/ 2025 của UBND xã Hải Hưng)***A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả
I	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM		
1.	1.013862	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
2.	1.013858	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
3.	1.013857	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
4.	1.013854	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
5.	1.013850	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
6.	1.013844	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

7.	1.013.851	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
8.	1.013855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
9.	1.013841	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
10.	1.013838	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
11.	1.013829	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
12.	1.013855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
II	LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ		
13.	1.013871	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
14.	1.013876	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
III	LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG		

15.	1.009346	Xét tặng giải thưởng Đặng Văn Ngữ trong lĩnh vực Y tế dự phòng.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
16.	1.009249	Xét tặng giải thưởng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
17.	1.012422	Đề nghị xét tặng Danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
IV	LĨNH VỰC Y DƯỢC CỔ TRUYỀN		
18.	1.012419	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
19.	1.012418	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
20.	1.012417	Cấp lại giấy chứng nhận lương y	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
21.	1.012415	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT- BYT	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
22.	1.012416	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT- BYT	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
23.	1.009407	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
V	LĨNH VỰC KHÁM, CHỮA BỆNH		

24.	1.012292	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
25.	1.012289	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
26.	1.012291	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
27.	1.012290	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
28.	1.012281	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
29.	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
30.	1.012279	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

31.	1.012276	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
32.	1.012275	Đăng ký hành nghề	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
33.	1.012271	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
34.	1.012278	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
35.	1.012273	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
36.	1.012272	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
37.	1.012260	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
38.	1.012262	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
39.	1.012261	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

40.	1.012258	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
41.	1.012257	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
42.	1.012256	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
43.	1.006780	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
44.	1.001138	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
45.	2.000559	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
46.	2.000552	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
VI	LĨNH VỰC DÂN SỐ, BÀ MẸ -TRẺ EM		
47.	1.013845	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
VII	LĨNH VỰC PHÒNG BỆNH		
48.	1.013895	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
49.	1.013892	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

50.	1.013887	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
51.	1.013889	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
52.	1.013881	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
53.	1.013880	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
54.	1.013870	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
55.	1.013866	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
56.	1.013883	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
57.	1.013874	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
58.	1.013872	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
59.	1.013867	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

60.	1.013886	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
61.	1.013875	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
62.	1.013891	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
63.	1.013868	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
64.	1.004070	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
65.	1.004062	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
66.	1.002944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
67.	1.002564	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
68.	1.002467	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
69.	1.001189	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

70.	1.001178	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
71.	1.001114	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
72.	1.013893	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
73.	1.013890	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
74.	1.013884	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
75.	1.013879	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
76.	1.013869	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
77.	1.013864	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
78.	1.013865	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
79.	1.013860	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

80.	1.013878	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
81.	1.013873	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
82.	1.013036	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
83.	1.013037	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
84.	1.003580	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
85.	1.001386	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
86.	2.000655	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
87.	1.013035	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
88.	1.013034	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
89.	1.013896	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
90.	1.013898	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

91.	1.013894	Cấp lại Giấy Tiếp nhận công bố hợp quy đối với thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
VIII LĨNH VỰC MỸ PHẨM			
92.	1.009566	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
93.	1.003073	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
94.	1.003064	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
95.	1.003055	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
96.	1.002600	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
97.	1.002483	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
98.	1.000990	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
99.	1.000793	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
100.	1.000662	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
101.	1.002238	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

IX	LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM		
102.	1.014104	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
103.	1.014102	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
104.	1.014101	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
105.	1.014099	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
106.	1.014100	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
107.	1.014076	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
108.	1.014092	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
109.	1.014069	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
110.	1.001396	Cung cấp thuốc phóng xạ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

111.	1.014087	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
112.	1.014105	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
113.	1.014078	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
114.	1.014090	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
X	LĨNH VỰC ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC		
115.	1.013824	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
116.	1.004539	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
XI	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI		
117.	1.013817	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
118.	1.013820	Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
119.	1.013815	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

120.	1.013814	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
121.	1.012993	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
122.	1.012990	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
123.	2.000477	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
124.	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
125.	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
126.	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
XII	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN		
127.	1.014010	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
128.	1.014011	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
129.	1.000091	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

130.	2.000027	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
131.	2.000025	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
132.	2.001661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG CẤP TỈNH, XÃ

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả
I	LĨNH VỰC TRẺ EM		
1.	1.004944	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố
II	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆN NẠN XÃ HỘI		
2.	2.001.661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố
III	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI		
3.	2.000477	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố
4.	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố
5.	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả
I	LĨNH VỰC TRẺ EM		
1.	2.001947	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
2.	1.004941	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố
3.	2.001944	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố
4.	2.001942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
II	LĨNH VỰC DÂN SỐ, BÀ MẸ - TRẺ EM		
5.	2.001088	Thủ tục xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.
III	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI		
6.	1.014027	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.
7.	1.014028	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.
8.	1.013821	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.

9.	1.013822	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.
10.	1.001776	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.
11.	1.001731	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.
12.	1.001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.
13.	1.001653	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.
14.	2.000355	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.

Phụ lục IX
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC
VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày /11/ 2025 của UBND xã Hải Hưng)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (168 TTHC)

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả
I	LĨNH VỰC VĂN HOÁ		
I.1.	DI SẢN VĂN HOÁ		
1.	1.003793	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
2.	<u>2.001591</u>	Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
3.	<u>2.001631</u>	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
4.	1.003838	Cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
5.	1.013801	Cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu (địa phương)	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
6.	<u>2.001613</u>	Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
7.	<u>1.003738</u>	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
8.	<u>1.003646</u>	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp TP, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

9.	<u>1.003835</u>	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
10.	<u>1.001106</u>	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
11.	<u>1.001123</u>	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
12.	<u>1.001822</u>	Cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
13.	<u>1.002003</u>	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
14.	<u>1.003901</u>	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
15.	<u>2.001641</u>	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
16.	<u>1.013456</u>	Cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
I.2	LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH		
17.	<u>1.011454</u>	Cấp giấy phép phân loại phim	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
I.3.	LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM		
18.	<u>1.001755</u>	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

19.	<u>1.001738</u>	cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
20.	<u>1.001833</u>	tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật.	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
21.	<u>1.001778</u>	cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
22.	<u>1.001229</u>	cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
23.	<u>1.001211</u>	cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
24.	<u>1.001191</u>	Cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
25.	<u>1.001182</u>	Cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
26.	<u>1.001147</u>	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
27.	<u>1.001704</u>	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
28.	<u>1.001671</u>	Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
29.	<u>1.001809</u>	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

30.	<u>2.001496</u>	Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
I.4.	NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN		
31.	<u>1.009398</u>	Tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
32.	<u>1.009399</u>	Tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
33.	<u>1.009397</u>	Tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
34.	<u>1.009403</u>	Ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
I.5.	LĨNH VỰC VĂN HOÁ CƠ SỞ		
35.	<u>1.003676</u>	Đăng ký tổ chức lễ hội	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
36.	<u>1.003654</u>	Thông báo tổ chức lễ hội	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
37.	<u>1.004639</u>	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
38.	<u>1.004666</u>	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

39.	<u>1.004662</u>	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
40.	<u>1.001029</u>	Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
41.	<u>1.001008</u>	Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
42.	<u>1.000963</u>	Cấp giấy phép điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
43.	<u>1.000922</u>	Cấp giấy phép điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
44.	<u>1.004650</u>	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng-rôn	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
45.	<u>1.004645</u>	Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
I.6.	HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HOÁ QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH VĂN HOÁ		
46.	<u>1.003784</u>	Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp TP	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
47.	<u>1.003743</u>	Kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu cấp TP	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
48.	<u>1.003560</u>	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
I.7	THI ĐUA, KHEN THƯỞNG		
49.	<u>1.001032</u>	Xét tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

50.	<u>1.000971</u>	Xét tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
51.	<u>1.001376</u>	Xét tặng danh hiệu “ Nghệ sĩ nhân dân”	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
52.	<u>1.001108</u>	Xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
53.	<u>1.000871</u>	Xét tặng “ Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
54.	<u>1.000564</u>	Xét tặng “ Giải thưởng Nhà nước” về văn học nghệ thuật	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
I.8	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH		
55.	<u>1.012080</u>	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
56.	<u>1.012081</u>	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
57.	<u>1.012082</u>	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
I.9	LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ		
58.	<u>1.006412</u>	Cấp giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
59.	<u>1.001082</u>	Cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

60.	<u>1.001091</u>	Gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
II.	LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO		
61.	<u>1.001782</u>	Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của TP, thành phố trực thuộc Trung ương	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
62.	<u>1.002022</u>	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
63.	<u>1.002013</u>	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao TP, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
64.	<u>1.002445</u>	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
65.	<u>1.002396</u>	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
66.	<u>1.003441</u>	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
67.	<u>1.000983</u>	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
68.	<u>1.000953</u>	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
69.	<u>1.000936</u>	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf.	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
70.	<u>1.000920</u>	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

71.	<u>1.001195</u>	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
72.	<u>1.000904</u>	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
73.	<u>1.000883</u>	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, lặn	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
74.	<u>1.000863</u>	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
75.	<u>1.000847</u>	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
76.	<u>1.000830</u>	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
77.	<u>1.000814</u>	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn khiêu vũ thể thao	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
78.	<u>1.000644</u>	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn thể dục thẩm mỹ	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
79.	<u>1.000842</u>	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
80.	<u>1.005163</u>	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
81.	<u>2.002188</u>	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

82.	<u>1.000594</u>	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo giải trí	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
83.	<u>1.000560</u>	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
84.	<u>1.000544</u>	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn võ cổ truyền và vovina	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
85.	<u>1.001213</u>	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
86.	<u>1.000518</u>	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
87.	<u>1.000501</u>	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
88.	<u>1.000485</u>	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
89.	<u>1.005357</u>	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí.	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
90.	<u>1.001801</u>	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
91.	<u>1.001500</u>	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
92.	<u>1.005162</u>	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu.	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

93.	<u>1.001517</u>	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
94.	<u>1.001527</u>	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
95.	<u>1.001056</u>	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
III.	LĨNH VỰC DU LỊCH		
III.1	LĨNH VỰC DU LỊCH - LỮ HÀNH		
96.	<u>1.004528</u>	Công nhận điểm du lịch	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
97.	<u>1.003490</u>	Công nhận Khu du lịch cấp TP	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
98.	<u>2.001628</u>	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
99.	<u>2.001616</u>	Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
100.	<u>2.001622</u>	Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
101.	<u>2.001611</u>	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
102.	<u>2.001589</u>	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.
103.	<u>1.003742</u>	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

104.	<u>1.001837</u>	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
105.	<u>1.004605</u>	Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
106.	<u>1.003717</u>	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
107.	<u>1.003240</u>	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
108.	<u>1.003275</u>	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
109.	<u>1.003002</u>	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
110.	<u>1.001440</u>	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
111.	<u>1.004628</u>	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
112.	<u>1.004623</u>	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
113.	<u>1.001432</u>	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

114.	<u>1.004614</u>	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
III.2	DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁC		
115.	<u>1.004551</u>	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
116.	<u>1.004503</u>	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
117.	<u>1.001455</u>	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
118.	<u>1.004580</u>	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
119.	<u>1.004572</u>	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
120.	<u>1.004594</u>	Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
IV.	LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ		
121.	<u>2.002772</u>	Cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
122.	<u>2.002773</u>	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
123.	<u>2.002774</u>	Cấp lại Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

124.	<u>2.001765</u>	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
125.	<u>1.003384</u>	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
126.	<u>2.001098</u>	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
127.	<u>1.005452</u>	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
128.	<u>2.001091</u>	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
129.	<u>2.001087</u>	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
130.	<u>1.002001</u>	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
131.	<u>1.001976</u>	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
132.	<u>2.002738</u>	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
133.	<u>1.001988</u>	Cấp lại Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
134.	<u>1.004508</u>	Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

135.	<u>2.002739</u>	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
136.	<u>2.002740</u>	Cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
V. LĨNH VỰC BÁO CHÍ			
137.	<u>2.001173</u>	Cho phép hợp báo (nước ngoài)	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
138.	<u>1.013781</u>	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
139.	<u>1.013782</u>	Cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
140.	<u>1.013783</u>	Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
141.	<u>1.013784</u>	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
142.	<u>1.013785</u>	Cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
143.	<u>1.013786</u>	Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
144.	<u>1.013787</u>	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
145.	<u>1.013788</u>	Cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

146.	<u>1.013789</u>	Chấp thuận thay đổi nội dung trong giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
147.	<u>1.013790</u>	Tiếp nhận đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
148.	<u>1.009374</u>	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
149.	<u>1.009386</u>	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
150.	<u>2.001171</u>	Cho phép hợp báo (trong nước)	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
VI.	LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH		
151.	<u>1.013698</u>	Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
152.	<u>1.013699</u>	Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
153.	<u>1.013700</u>	Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
154.	<u>1.013701</u>	Điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
155.	<u>1.003868</u>	Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
156.	<u>1.003114</u>	Cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

157.	<u>1.008201</u>	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
158.	<u>1.003483</u>	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
159.	<u>2.001594</u>	Cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
160.	<u>2.001584</u>	Cấp lại Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
161.	<u>1.003729</u>	Cấp đổi Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
162.	<u>2.001564</u>	Cấp Giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
163.	<u>1.004153</u>	Cấp Giấy phép hoạt động in	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
164.	<u>2.001744</u>	Cấp lại Giấy phép hoạt động in	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
165.	<u>2.001740</u>	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
166.	<u>2.001737</u>	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
167.	<u>1.003725</u>	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
VII.	LĨNH VỰC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI		

168.	<u>1.003888</u>	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
------	-----------------	--	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (09 TTHC)

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả
I	LĨNH VỰC VĂN HOÁ		
1.	<u>1.013791</u>	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
2.	<u>1.003622</u>	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
II	LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ		
3.	<u>1.013792</u>	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
4.	<u>1.013793</u>	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
5.	<u>1.013794</u>	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
6.	<u>1.013795</u>	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
III	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH		
7.	<u>1.012084</u>	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
8.	<u>1.012085</u>	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
IV	LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO		
9.	<u>2.000794</u>	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

Phụ lục X**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NGOẠI VỤ***(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày /11/ 2025 của UBND xã Hải Hưng)*

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả
I	LĨNH VỰC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ		
1.	2.002311	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
2.	2.002312	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	
3.	2.002313	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	
4.	2.002314	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	

Phụ lục XI
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO
ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày /11/ 2025 của UBND xã Hải Hưng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả
I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM (26 TTHC)			
1.	1.009742	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư và kinh doanh sân golf	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
2.	1.009748	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
3.	1.009756	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (BQL)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
4.	1.009757	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (BQL)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
5.	1.009759	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
6.	1.009760	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

		thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	
7.	1.009762	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
8.	1.009768	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
9.	1.009769	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
10.	1.009771	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
11.	1.009772	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
12.	1.009775	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (BQL)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
13.	1.009776	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (BQL)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

14.	2.002725	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
15.	2.002726	Thủ tục điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
16.	2.002727	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
17.	1.009755	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ- CP	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
18.	1.009762	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
19.	1.009763	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
20.	1.009764	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý:	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
21.	1.009766	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

		Ban Quản lý	
22.	1.009767	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
23.	1.009770	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
24.	1.009773	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (BQL)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
25.	1.009774	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (BQL)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
26.	1.009777	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (BQL)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
II- LĨNH VỰC ĐẦU THẦU LỰ CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ (01 TTHC) - QLĐT			
27	2.002603	Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (Cấp tỉnh)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
III- LĨNH VỰC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ (04 TTHC)- TNMT			
28	2.002728	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

29	2.002729	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
30	2.002731	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
31	2.002732	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

IV- LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (05 TTHC)- TNMT

32	1.010733	Thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
33	1.010727	Thủ tục cấp Giấy phép môi trường	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
34	1.010728	Thủ tục cấp đổi Giấy phép môi trường	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
35	1.010729	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép môi trường	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
36	1.010730	Thủ tục cấp lại Giấy phép môi trường	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

V- LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (05 TTHC)- DN&GSĐT

37	2.000063	Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
38	2.000450	Thủ tục Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
39	2.000347	Thủ tục Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
40	2.000327	Thủ tục Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
41	2.000314	Thủ tục Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
VI. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG (08 TTHC)			
41	1.013239	Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
43	1.013234	Thủ tục thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
44	1.013236	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

		công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án):	
45	1.013238	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
46	1.013230	Thủ tục cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
47	1.013231	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
48	1.013233	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
49	1.013235	Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
VII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XD (01 TTHC)			
50	1.009794	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.